

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá của quốc gia; là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống và nơi diễn ra mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh và quốc phòng. Đất đai lại được giới hạn về diện tích, hình thể nhưng hiệu quả sản xuất lại phụ thuộc vào sự đầu tư, hướng khai thác sử dụng của con người.

Để đáp ứng những nhu cầu sử dụng đất đai cho phát triển kinh tế xã hội cũng như việc phân bổ nguồn tài nguyên đất hợp lý, ổn định, tiết kiệm, khoa học và có định hướng lâu dài, đạt hiệu quả cao, thì kế hoạch sử dụng đất vừa là phương thức vừa là công cụ quản lý, khai thác sử dụng nguồn tài nguyên đất đai có hiệu quả và đúng pháp luật, trên cơ sở đảm bảo tính kết hợp các yếu tố kỹ thuật, kinh tế, pháp lý và môi trường. Ngoài ra, là cơ sở để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất,... gắn nhu cầu sử dụng đất đai với các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025. Tuy nhiên, trong năm kế hoạch có phát sinh một số công trình, dự án khác. Vì vậy, UBND huyện Nghĩa Hành đã tiến hành lập **“Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành”**.

1. Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025;
- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử

dụng đất;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Các văn bản của tỉnh, huyện quy định về việc lập kế hoạch sử dụng đất:

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương;

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cho ý kiến xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương;

- Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/04/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/04/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch giao thông tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2020, có xét đến năm 2030;

- Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 5/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4813/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện điện

110kV;

- Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và được phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

- Công văn số 6221/UBND-KTN ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khẩn trương thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hành về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 01/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hành về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;

- Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/04/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/04/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành;
- Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc Phê duyệt đề án phân vùng thích nghi đất đai phục vụ phát triển cây ăn quả đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- Công văn số 5112/STNMT-QLĐĐ ngày 24/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;
- Công văn số 2848/UBND ngày 22/11/2024 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc chủ trương lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành;
- Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;
- Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 23/04/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;
- Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành.

1.2. Những tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ

- Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi.
- Quy hoạch giao thông tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.
- Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi đến năm

2020, định hướng đến năm 2025.

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

- Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Danh mục các công trình, dự án đăng ký thực hiện của cấp Trung ương, cấp tỉnh có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

- Tài liệu, số liệu thống kê đất đai và tư liệu báo cáo ngành Địa chính qua các năm về quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn huyện.

- Các tài liệu đánh giá môi trường của tỉnh, của huyện.

- Bản đồ nền địa chính các tỷ lệ đã được đo vẽ qua các năm ở các xã.

- Các quy hoạch ngành của tỉnh có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành;

- Bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành;

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2025;

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành đã được phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Các tài liệu, số liệu khác có liên quan.

2. Mục tiêu lập điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

- Xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch;

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, khu dân cư nông thôn;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các

loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 121 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành

Ngoài phần đặt vấn đề, biểu, kết luận và kiến nghị thì báo cáo bao gồm các phần chính sau:

Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất.

Phần II: Lập Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

I. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1. Phân tích đặc điểm, điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Nghĩa Hành nằm về phía Tây Nam, cách thành phố Quảng Ngãi 10 km, toạ độ địa lý từ 14°50'53'' đến 15°05'20'' vĩ độ Bắc, từ 108°41'07'' đến 108°51'10'' kinh độ Đông. Đường ranh giới của huyện tiếp giáp với các địa phương sau:

- Phía Đông giáp huyện Mộ Đức;
- Phía Tây giáp huyện Minh Long;
- Phía Nam giáp huyện Ba Tơ và huyện Đức Phổ;
- Phía Bắc giáp huyện Tư Nghĩa.

Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính cấp dưới, gồm: 5 xã miền núi (Hành Nhân, Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây), 6 xã đồng bằng (Hành Thuận, Hành Trung, Hành Đức, Hành Minh, Hành Phước, Hành Thịnh) và thị trấn Chợ Chùa, bao gồm 74 thôn và tổ dân phố.

Tổng diện tích tự nhiên 23.448.55 ha, chiếm 4,55% diện tích tự nhiên tỉnh Quảng Ngãi. Dân số trung bình năm 2023 có 82.837 người, mật độ dân số bình quân 353 người/km². Vị trí của huyện nằm gần Thành phố Quảng Ngãi, có hệ thống giao thông đường bộ thông suốt, tuyến đường tỉnh 624 chạy từ thành phố Quảng Ngãi đi xuyên qua trung tâm huyện Nghĩa Hành, nối với trung tâm huyện Minh Long, ngoài ra có các tuyến ĐT 624, ĐT 624B, ĐT 628 đi qua địa bàn huyện và các tuyến đường huyện nối liền với các huyện lân cận là điều kiện thuận lợi để giao lưu kinh tế, xã hội. Những điều đó cho thấy huyện Nghĩa Hành có vị trí quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi (*Số liệu dựa theo Niên giám thống kê năm 2023*).

b. Địa hình, địa mạo

Căn cứ vào bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 cho thấy địa bàn huyện có ba dạng địa hình: đồng bằng, gò đồi và núi thấp, diện tích và phân bố các dạng địa hình như sau:

- Địa hình đồng bằng, diện tích 12.512,51 ha, chiếm 53,34% diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở địa bàn các xã: Hành Minh, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Trung, Hành Phước, Hành Thịnh và TT Chợ Chùa. Đồng bằng Nghĩa Hành có đặc điểm tương đối bằng phẳng, độ cao địa hình từ 4 m – 15 m, thỉnh

thoảng có đồi độc lập nằm giữa đồng bằng. Địa hình đồng bằng ở Nghĩa Hành rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Địa hình gò đồi, là dạng địa hình chuyển tiếp giữa núi và đồng bằng, độ cao trung bình khoảng 15-60 m, độ dốc từ 3° - 15° , diện tích 4.405,42 ha, chiếm 18,78% diện tích tự nhiên, phân bố chuyển tiếp giữa địa hình đồng bằng với địa hình núi thấp. Tập trung nhiều ở các xã: Hành Dũng, Hành Nhân. Đặc điểm địa hình gò đồi lượn sóng, nghiêng từ Tây sang Đông. Tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- Địa hình núi thấp, độ cao địa hình từ 60 - 500 m, độ dốc từ 15° - 25° , diện tích 6.540,10 ha, chiếm 27,88% diện tích tự nhiên, phân bố về phía Tây, phía Nam và Tây Nam, tạo thành vành đai ranh giới tự nhiên giữa huyện Nghĩa Hành với huyện Minh Long và các huyện Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức (*về phía Tây Nam*). Địa hình cao, độ dốc lớn, nên điều kiện giao thông và sản xuất nông nghiệp khó khăn.

c. Khí hậu

Huyện Nghĩa Hành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa duyên hải Nam Trung bộ, nền nhiệt độ cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn, cụ thể như sau:

- Nhiệt độ: Các tháng có nhiệt độ cao nhất từ tháng 4 đến tháng 8 hàng năm, các tháng có nhiệt độ thấp nhất từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau.

+ Nhiệt độ bình quân năm 26°C ;

+ Nhiệt độ trung bình năm lớn nhất 29°C ;

+ Nhiệt độ tối cao $41,0^{\circ}\text{C}$; Nhiệt độ tối thấp $12,6^{\circ}\text{C}$.

- Độ ẩm: Độ ẩm trong năm có sự chênh lệch khá lớn, độ ẩm cao nhất vào từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau.

+ Độ ẩm tương đối bình quân năm 85,5%;

+ Độ ẩm tuyệt đối cao nhất 100%;

+ Độ ẩm tuyệt đối thấp nhất 34%.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình khoảng 80,3mm/ tháng; mùa khô, lượng bốc hơi lớn, khoảng 112 mm/tháng; mùa mưa khả năng bốc hơi kém, chỉ chiếm khoảng 10-12% lượng mưa cả tháng; các tháng cuối năm lượng bốc hơi chiếm 20-40% lượng mưa trong tháng.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình khoảng 2.136 giờ; từ tháng 3 đến tháng 8 có số giờ nắng cao, khoảng 177 – 230 giờ/ tháng; từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau số giờ nắng giảm, khoảng 100 – 125 giờ/ tháng.

- Lượng bức xạ mặt trời: Tổng lượng bức xạ bình quân hàng năm từ 140-150 Kcal/cm²/năm; đạt cực đại vào tháng 4, từ 16-18 Kcal/cm²/tháng; cực tiểu vào tháng 7, từ 6-7 Kcal/cm²/tháng.

- Gió: Có 2 hướng gió chính là gió mùa Mùa Đông với hướng thịnh hành là Đông Bắc và gió mùa Mùa Hạ với hướng chính là Đông Nam, Nam. Ngoài ra trong Mùa Hạ có năm bị ảnh hưởng gió Tây Nam khô nóng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống thêm phần khó khăn.

- Bão: Bão thường tập trung vào các tháng 9, 10, 11; hướng đi của bão thường là Đông-Tây, Đông Nam-Tây Bắc; gió mạnh cấp 9, cấp 10. Bão thường kèm theo mưa lớn kéo dài, gây lũ lụt nghiêm trọng. Hàng năm xuất hiện từ 1 – 4 cơn bão.

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm dao động trong khoảng từ 1800 mm – 2000 mm. Lượng mưa phân bố không đều giữa các khu vực trong huyện, và có xu hướng giảm dần từ Tây sang Đông. Khu vực gần núi ở phía Tây và Tây Nam huyện có lượng mưa rất lớn với tổng lượng mưa hàng năm dao động từ khoảng 2300 mm – 2500 mm. Lượng mưa phân bố không đều giữa các tháng trong năm, mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12, chiếm 75% tổng lượng mưa cả năm. Thời kỳ ít mưa kéo dài từ tháng 01 đến tháng 8, chiếm khoảng 25% lượng mưa cả năm. Mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn gây ra lũ lụt và phân bố lượng nước không đều trong năm.

Tóm lại: Với nền nhiệt độ cao, tổng tích ôn và tổng lượng mưa lớn là điều kiện thuận lợi cho việc đa dạng hoá cây trồng. Tuy nhiên lượng mưa lớn nhưng phân bố không đều, hàng năm thường có bão, lụt, ngập úng ở vùng đồng bằng, xói lở đất ở khu vực đồi núi, ảnh hưởng xấu đến đời sống sản xuất của nhân dân, gây khó khăn trong công tác quản lý sử dụng đất đai.

d. Thủy văn

Căn cứ tài liệu đặc điểm khí hậu - thủy văn tỉnh Quảng Ngãi qua các năm cho thấy chế độ thủy văn huyện Nghĩa Hành chịu ảnh hưởng chính của sông Vệ và sông Phước Giang.

- Sông Vệ, là một trong những con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi. Sông bắt nguồn từ vùng núi cao phía Nam huyện Ba Tơ; chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, đổ ra biển Đông ở Cửa Lở. Sông có chiều dài 91 km với lưu vực 1.260 km², độ cao trung bình của lưu vực 170 m, độ dốc trung bình của lưu vực 19,9%, mật độ lưới sông 0,91 km/km², lưu lượng dòng chảy trung bình nhiều năm (Q_0 , m³/s): 57,8 m³/s, môđun dòng chảy trung bình trong nhiều năm (M_0 , l/s/km²): 73,6 l/s/km² và trong mùa lũ 140 l/s/km². Sông Vệ chảy qua địa bàn huyện Nghĩa Hành dài 30 km, qua các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Phước. Nước sông Vệ vào mùa mưa nước dâng cao gây lũ lụt, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư hai bên sông; tuy nhiên lũ lụt mang một lượng phù sa đáng kể bồi đắp cho đồng ruộng. Mùa khô lưu lượng dòng chảy bình quân khoảng 8 m³/s, được khai thác tưới cho đồng ruộng bằng hệ thống trạm bơm điện.

- Sông Phước Giang bắt nguồn từ huyện Minh Long, chảy qua huyện Nghĩa Hành hợp với sông Giang ở xã Hành Nhân, chảy qua xã Hành Dũng, sau

đó chia thành ba nhánh sông nhỏ. Nhánh thứ nhất, chảy vòng qua Thị trấn Chợ Chùa, xuống sông Cây Bứa rồi đổ ra Biển Đông. Nhánh thứ hai, chảy qua xã Hành Thuận về cầu Xóm Siết qua địa phận huyện Tư Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi rồi đổ ra biển Đông. Nhánh thứ 3, chảy vòng qua xã Hành Minh và Hành Đức, xuống sông Cây Bứa ở xã Hành Phước rồi chảy ra biển Đông. Sông Phước Giang là con sông nhỏ. Tuy nhiên, lưu lượng dòng chảy về mùa mưa khá lớn, gây xói lở bờ sông đoạn đi qua địa bàn các xã Hành Nhân, Hành Dũng, về mùa khô lưu lượng dòng chảy nhỏ.

2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Căn cứ vào bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi tỷ lệ 1/100.000 cho thấy trên địa bàn huyện Nghĩa Hành gồm 06 nhóm đất chính với 11 chủ dẫn đơn vị bản đồ đất theo hệ thống phân loại của FAO/WRB.

a1. Nhóm đất phù sa:

Đất phù sa của huyện Nghĩa Hành được tạo thành chủ yếu do quá trình lắng đọng phù sa của các dòng sông như sông Vệ, sông Phước Giang, ngoài ra còn có các dòng sông nhỏ khác. Do địa hình phức tạp, các dãy núi xen kẽ với đồng bằng, các vật liệu phù sa còn được bổ sung bởi các sản phẩm dốc tụ hay lũy tích từ các dãy núi xung quanh đồng bằng. Các hệ thống sông ngòi ở huyện chưa có đê nên các trận lũ, nước sông tràn ngập hết đồng bằng. Nước ngập phụ thuộc vào nước lũ đổ về từ các dãy núi phía Tây và thường rút đi rất nhanh. Do vậy, đặc điểm chung của đất phù sa là có thành phần cơ giới nhẹ và trung bình. Với 03 đơn vị chủ dẫn bản đồ đất bao gồm đất phù sa không được bồi (P), đất phù sa được bồi (Pb), đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Pf).

- Đất phù sa không được bồi (P) có diện tích 2.871,07 ha, chiếm 12,24% DTTN, tập trung nhiều ở TT Chợ Chùa (435,74 ha) và các xã Hành Nhân (379,59 ha), Hành Thiện (336,06 ha), Hành Tín Tây (288,34 ha), Hành Phước (265,48 ha), Hành Tín Đông (253,82 ha), Hành Minh (216,44 ha). Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, trong đó cát pha và thịt nhẹ là chủ yếu. Đất có phản ứng chua hay chua ít, pH_{H_2O} thay đổi từ 5,0 - 6,5, pH_{KCl} thay đổi từ 4,2 đến 5,0. Độ no bazơ thấp, biến động từ 10 - 40%. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp, OC% thay đổi từ 0,5% đến 1,0%; Tỷ lệ N tổng số thay đổi từ 0,04% đến 0,08%. Lân tổng số thấp, P_2O_5 biến động từ 0,01 - 0,04%, P_2O_5 dễ tiêu cũng rất thấp. Kali tổng số nghèo, $K_2O\%$ <0,5%, kali trao đổi cũng thấp: 1,4 - 3,0 lđl/100 g đất. CEC từ 2,2 - 10,14 lđl/100 g đất. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như các loại đậu đỗ, mía, bắp, lúa nước, dưa hấu, khoai lang, các loại rau, các loại cây ăn quả... Cơ cấu cây trồng còn phụ thuộc vào hệ thống thủy nông tưới và tiêu nước.

- Đất phù sa được bồi (Pb) có diện tích 207,06 ha, chiếm 0,88% DTTN, tập trung nhiều ở 02 xã Hành Phước (104,94 ha), Hành Thịnh (102,12 ha). Đất có thành phần cơ giới biến động từ cát pha đến thịt trung bình. Kết cấu hạt rời

hay viên bé, đất khá tươi xốp. Đất có phản ứng trung tính hoặc chua ít, độ no bazơ > 50%. Hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất: OC tổng số và N% thay đổi từ 1,0 đến 1,5% và từ 0,07 đến 0,12 ở tầng A (tầng canh tác) và giảm nhanh ở các tầng dưới. P_2O_5 % xung quanh 0,1%, P_2O_5 dễ tiêu thấp. K_2O % biến động mạnh từ 0,5 - 1,5%, K_2O trao đổi thấp. CEC thấp < 10 lđl/ 100g đất. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như mía, bắp, lúa, các loại đậu đỗ, các loại rau, dưa hấu, chú trọng cơ cấu mùa vụ.

- Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Pf) có diện tích 1.680,91 ha, chiếm 7,17% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Thiện (279,85 ha), Hành Dũng (219,68 ha). Đất có thành phần cơ giới biến động từ cát pha đến thịt nhẹ, trong đó chủ yếu là thịt nhẹ. Đất có cấu trúc hạt rời, viên, cục bé lẫn cạnh. Phản ứng của đất thay đổi từ rất chua đến chua, pH KCl biến động trong phạm vi 4,0 - 6,0. Độ no bazơ chủ yếu < 50%, rất ít khi gặp độ no bazơ > 50%; H^+ thay đổi từ 1 - 6 lđl/100 g đất. Tỷ lệ các bon hữu cơ thấp, N% ở mức thấp. Lân tổng số biến động từ trung bình đến rất nghèo, P_2O_5 % thường < 0,04%, lân dễ tiêu cũng rất nghèo, phổ biến ở mức < 5 mg/ 100g đất. Kali tổng số ở mức trung bình và nghèo, kali trao đổi rất thấp; K_2O % thường < 1,0%; K_2O trao đổi < 5 mg/ 100 g đất. Dung tích hấp thụ của đất thấp CEC £ 5 lđl/ 100 g đất. Loại đất này phù hợp với việc gieo trồng các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, các loại cây công nghiệp như mía, các loại đậu đỗ, các loại rau quả,... Đối với từng cây trồng cụ thể sẽ có chế độ bón phân khác nhau, ngoài phân chuồng, phân đạm cần chú ý bón đủ lân và kali.

a2. Nhóm đất xám:

Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, khoáng sét đã bị biến đổi, có quá trình rửa trôi sét và các cation kiềm tạo cho đất có tầng tích tụ sét. Hình thái phẫu diện đất xám đặc trưng kiểu A.Bt hoặc A.Bt.C. Trong đó Bt là tầng tích tụ sét. Tầng Bt có thể có kết von (Btc) có glây (Btg) hoặc tích lũy sắt (Bts). Tổng diện tích là 3.426,66 ha, chiếm 14,61% diện tích tự nhiên, với 02 đơn vị chủ dẫn bản đồ đất bao gồm đất xám trên phù sa cổ (X), đất xám có tầng loang lổ đỏ vàng (Xf).

- Đất xám trên phù sa cổ (X) có diện tích 1.584,37 ha, chiếm 6,76% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Đức (334,42 ha), Hành Trung (315,97 ha), Hành Thuận (245,39 ha)... Đất có thành phần cơ giới nhẹ: ở tầng mặt có tỷ lệ cát khá cao (đạt 88%) trong đó chủ yếu là cát mịn, thường được xếp là đất cát mịn đến thịt pha cát. Sự gia tăng tỷ lệ sét ở những tầng tiếp theo là rõ ràng (ở phần lớn các phẫu diện tăng từ 1,5 lần trở lên). Cấp hạt sét ở những tầng này đạt đến 25%. Độ chua của đất được xếp chua và rất chua (pH_{KCl} khoảng 4,8 - 4,1). Hàm lượng các bon hữu cơ tổng số (OC%) và đạm tổng số (N%) trong đất thấp từ 0,10 đến 0,51% và 0,08% đến 0,04%. Lân tổng số và lân dễ tiêu đều nghèo và rất nghèo 0,01 - 0,04% và 0,4 - 3,7 mg /100g đất. Kali tổng số ở mức trung bình đến nghèo trong đó chủ yếu là nghèo (0,15 - 1,16%); kali trao đổi nghèo và rất nghèo (1,4 - 6,1mg/100g đất). Đất có khả năng hấp phụ thấp (CEC thường đạt

1,20-3,76lđl/100g đất và 6,07-11,46lđl/100g sét. Độ bão hoà bazơ thấp BS£ 50%, có mẫu BS chỉ đạt 17%. Đất có hàm lượng dinh dưỡng thấp cả ở dạng tổng số và dạng dễ tiêu; đất chua; đất nhẹ dễ bị khô hạn và khả năng giữ nước phân kém. Tuy nhiên nhờ địa hình bằng phẳng và độ dày tầng đất lớn và đất tơi xốp nên dễ thích hợp nhiều loại cây trồng cạn như mía, điều và các loại hoa màu khác như lạc, vừng, đậu đỗ, dưa hấu, thuốc lá... Trong quá trình sử dụng loại đất này cần chú ý độ ẩm đất và có sự che phủ mặt đất thường xuyên bằng các loại cây trồng. Về phân bón, nhìn chung mọi loại phân đều có khả năng phát huy hiệu lực tối đa. Tuy nhiên, cũng cần xem xét loại cây và nhu cầu dinh dưỡng để bón đúng liều lượng và cân đối.

- Đất xám gley (Xg) có diện tích 1.842,29 ha, chiếm 7,86% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Phước (412,18 ha), Hành Đức (330,93 ha), Hành Thuận (296,13 ha), Hành Thịnh (203,2 ha). Đất có thành phần cơ giới nhẹ, chua và có hàm lượng dinh dưỡng trung bình khá. Trong tầng đất mặt, tỷ lệ cát hạt sét thay đổi trong khoảng 15,5-25,5%, cát hạt cát trong khoảng 48,5-55,5%. Độ chua hoạt tính (pH_{H_2O}) chỉ đạt 4,60-4,80 đơn vị và độ chua trao đổi (pH_{KCl}) là 4,10-4,30 đơn vị. Dung tích hấp thu (CEC) trung bình khá, đạt 10,5-13,5 me/100gđ; bão hòa bazơ thấp, chỉ đạt 16,5-20,5%. Các yếu tố dinh dưỡng trong đất thường không cân đối, hữu cơ và đạm khá đến rất giàu, song lân và kali lại nghèo. Số liệu phân tích các chỉ tiêu vừa nêu ở tầng đất mặt của các phẫu diện nghiên cứu cho giá trị là 2,5-3,8% OM; 0,16-0,19%N; 0,04-0,05% P_2O_5 và 0,04-0,06% K_2O . Các độc chất trong đất có sắt hòa tan từ trung bình thấp đến trung bình, đạt đến 95,5-110,0 mg $Fe^{2,3+}$ /100gđ; tuy nhiên, nhôm di động vẫn thấp, chỉ khoảng 3,9-10,0 mg Al^{3+} /100gđ. Đất xám gley (Xg) đất chuyên canh lúa (thường là lúa 1-2 vụ) hoặc luân canh lúa màu, một phần nhỏ là đất trồng chuyên màu, ven bìa suối rải rác cũng có ít đất chua sử dụng. Đây là một loại đất thích hợp đối với chuyên canh lúa nước, hoặc luân canh lúa nước với các cây trồng cạn hàng năm. Vì vậy đề nghị nên tăng cường đầu tư thủy lợi, để sử dụng loại đất này cho trồng lúa, lúa- màu hoặc chuyên canh rau- màu.

a3. Nhóm đất đỏ vàng:

Tổng diện tích 13.058,18 ha, chiếm 55,69% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình rửa trôi diễn ra mãnh liệt, quá trình tích lũy sắt, nhôm... phổ biến. Đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ, vàng nhạt tùy thuộc mức độ tích lũy sắt, nhôm. Nhóm đất đỏ vàng tại huyện Nghĩa Hành có 03 đơn vị chủ dẫn bản đồ đất bao gồm đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa), đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp), đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất (Fs).

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa) có diện tích 5.720,98 ha, chiếm 24,40% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Tín Đông (2.424,85 ha), Hành Dũng (1.377,8 ha), Hành Thiện (716,18 ha), Hành Thịnh (626,93 ha). Đất có thành phần cơ giới tầng mặt là thịt pha cát hay cát pha thịt. Mức gia tăng hàm lượng sét theo chiều sâu từ 1,4 đến 3,0 lần. Đất thường có kết cấu là viên hay

cục nhỏ. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất từ thấp đến trung bình. Tỷ lệ OC% khoảng 0,51- 0,95%. Lượng đạm tổng số ở mức 0,04% đến 0,07%. Lân trong đất rất nghèo ở cả 2 dạng tổng số và dễ tiêu (0,01- 0,06% P_2O_5 và 0,3 đến 1,1mg P_2O_5 /100g đất). So với lân, hàm lượng kali có tỷ lệ khá hơn. Kali tổng số ở mức nghèo đến trung bình (1,00-1,74% K_2O). Tương tự kali dễ tiêu dao động từ rất nghèo đến trung bình (1,2-11,6mg K_2O /100 g đất). Đất có khả năng hấp phụ ở mức thấp CEC £ 10,95 ldl/100g đất). Tuy nhiên nếu xét khả năng hấp phụ của sét trong đất có thể đạt mức trung bình hoặc khá CEC £ 38,76l dl/100g sét). Điều này chỉ có thể thấy ở những mẫu đất đó tỷ lệ chất hữu cơ cao hơn (0,95%OC) và tỷ lệ sét cũng lớn hơn (đạt 12% sét).

Nhìn chung đất có độ bão hòa bazơ thấp và rất thấp, BS từ 11 đến 45%. có tầng đất mỏng <50cm; độ dốc >80 nên sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bị hạn chế. Ở những vùng đất có độ dày ở cấp 2 không nên sử dụng vào sản xuất nông nghiệp mà nên khoanh nuôi tái sinh rừng hoặc trồng rừng mới. Những khu vực đang là rừng các cấp, cần được duy trì và tu bổ. Ở những nơi địa hình thấp và ít dốc hơn (có độ dốc < 150) có thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng cây lâu năm. Đối với loại đất này vấn đề chống xói mòn được chú ý đặc biệt để không dẫn tới đất xói mòn tro sỏi đá khi khai thác sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp) có diện tích 1.672,22 ha, chiếm 7,13% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Dũng (787,03 ha), Hành Nhân (405,35 ha). Với thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, chua và thường có hàm lượng dinh dưỡng thấp đến trung bình thấp. Ở tầng đất mặt, tỷ lệ cát hạt sét thay đổi trong khoảng 18,0-32,0%, trong khi đó cát hạt lên đến 45,0-58,0%. Độ chua hoạt tính (pHH₂O) chỉ đạt 4,2-4,6 đơn vị; độ chua trao đổi (pHKCl) là 3,6-4,1 đơn vị. Dung tích hấp thu (CEC) thấp đến trung bình khá, đạt khoảng 8,2-14,1 me/100gđ; bão hòa bazơ (BS) thấp, chỉ khoảng 18,0-25,0%. Hữu cơ và đạm, cả tổng số và dễ tiêu, thường đạt mức trung bình thấp đến trung bình khá, theo thứ tự đạt khoảng 1,6-2,4% OM; 0,11-0,20% N và 3,8-6,9 mg N/100gđ. Lân và kali cả tổng số và dễ tiêu đều nghèo; trong đó, lân tổng số đạt: 0,03-0,05%; kali tổng số chỉ đạt khoảng 0,02-0,04%; lân dễ tiêu: 2,8-5,1 mg/100gđ và kali dễ tiêu là 2,5-6,5 mg/100gđ. Các độc chất trong đất thấp, sắt hòa tan chỉ đạt 13,5-30,5 mg Fe^{2,3+}/100gđ và nhôm di động là 9,8-14,5 mg Al³⁺/100gđ.

Đất có những đặc điểm khá phân biệt, dẫn đến chúng có khả năng sử dụng cũng khác nhau. Trong các khu vực đất tầng dày, độ phì khá, địa hình bằng phẳng, nên có thể sử dụng để trồng các cây trồng cạn lâu năm hoặc hàng năm như các cây công nghiệp lâu năm, hàng năm, cây ăn quả đặc sản, hoa màu lương thực và rau quả các loại. Trong khi đó ở khu vực có địa hình khá dốc và tầng đất mỏng, độ phì kém đề nghị nên trồng điều, cây ăn quả hoặc trồng rừng để bảo vệ đất.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất (Fs) có diện tích 5.664,98 ha, chiếm 24,16% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Tín Tây (3.142,87 ha),

Hành Thiện (933,02 ha), Hành Tín Đông (400,6 ha). Đất có thành phần cơ giới trung bình đến nặng. Trong số các mẫu đất phân tích đa số mẫu có tỷ lệ sét cao ($< 34\%$). Sự gia tăng tỷ lệ sét theo chiều sâu là rõ rệt từ 1,5 đến 2 lần. Đất có kết cấu toi xốp, viên, cục bé. Đất có độ chua được xếp là chua và rất chua. pH_{H_2O} dao động trong khoảng 5,2 đến 6,5; pH_{KCl} là 3,9-4,7. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất dao động từ rất nghèo đến giàu. Các bon hữu cơ (OC) từ 0,13 đến 1,30%, cá biệt có mẫu đạt 1,90%. Tỷ lệ đạm tổng số trong khoảng 0,01-0,10% N. Tuy nhiên nói chung đất phần lớn có hàm lượng chất hữu cơ ở mức nghèo và trung bình. Lân trong đất khá nghèo, rất ít mẫu đạt mức trung bình. Lân tổng số $\leq 0,05\% P_2O_5$. Đặc biệt lân dễ tiêu thuộc mức rất nghèo và nghèo ($\leq 1,98$ mg P_2O_5 /100g đất). Kali trong đất ở mức nghèo đến khá. Tuy nhiên đại bộ phận đất có hàm lượng kali nghèo. Kali tổng số dao động từ 0,21% đến 1,98%. Kali dễ tiêu biến động trong khoảng 0,9mg K_2O đến 29,9 mg K_2O /100g đất nhưng rất ít mẫu đạt mức ≥ 10 mg K_2O /100g đất. Đất có khả năng hấp phụ thấp. CEC trong đất ≤ 10 ldl/100g đất và ≤ 24 ldl/100g sét. Cá biệt có mẫu lên đến 33,6 ldl/100g sét. Có độ phì khá, nhất là tỷ lệ chất hữu cơ. Thành phần cơ giới ở tầng dưới nặng hơn rõ rệt. Đồng thời trong đất tỷ lệ đá lẫn giảm.

Phần lớn đất này được phân bố ở độ dốc $< 15^\circ$ là một yếu tố thuận lợi trong quá trình khai thác sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp, trong quá trình canh tác cần lưu ý đến hàm lượng sắt trong đất.

a4. Nhóm đất dốc tụ:

Có diện tích 450,8 ha, chiếm 1,92% diện tích tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã Hành Tín Tây (151 ha), Hành Thiện (102 ha). Đất hình thành ở địa hình thung lũng trên sản phẩm bồi tụ từ các vùng đồi núi cao xung quanh. Thực chất của đất dốc tụ là hỗn hợp về thành phần mẫu chất. Đặc điểm của chúng, một mặt, bị chi phối quan trọng bởi đặc điểm của bề mặt bóc mòn từ các khu vực xung quanh có địa hình cao hơn, mặt khác, còn phụ thuộc vào độ dốc và chế độ nước ở khu vực bồi tụ. Vì vậy, hình thái phẫu diện cũng như đặc điểm lý - hóa học của đất dốc tụ, nhìn chung, khá phức tạp và có sự phân biệt đáng kể giữa các vị trí dốc tụ.

Tỷ lệ cấp hạt sét trong đất đạt khoảng 45,0-50,0%; cấp hạt limon là 25,0-30,0% và cấp hạt cát chỉ khoảng 20,0-25,0%. Độ chua hoạt tính (pH_{H_2O}) và trao đổi trao (pH_{KCl}) theo thứ tự lên đến 5,4-5,8 và 4,7-5,0 đơn vị. Dung tích hấp thu (me/100gđ) và bão hòa bazơ (%) khá cao, theo thứ tự lên đến 19,0-20,0 me/100gđ và 45,0-55,0%, cá biệt lên đến 56,2%. Các chất dinh dưỡng đa lượng trong đất cũng thường đạt mức khá: Ở tầng đất mặt, hữu cơ và đạm tổng số theo thứ tự lên đến 3,3-4,3%OM và 0,18-0,25%N. Lân tổng số trung bình khá, đạt 0,06-0,08% P_2O_5 , song lân dễ tiêu vẫn nghèo, đạt 5,2-6,5 mg/100gđ. Kali tổng số thấp: 0,03-0,05% K_2O ; kali dễ tiêu nghèo, chỉ khoảng 3,5-5,5 mg/100gđ. Các độc chất trong đất có sắt hòa tan khá cao, khoảng 110-130 mg $Fe^{2,3+}$ /100gđ, song nhôm di động thường không xuất hiện.

Hiện nay, phần lớn diện tích đất đất dốc tụ trong huyện là ruộng lúa hoặc lúa màu, một phần là đất trồng cây ăn quả hoặc chuyên màu. Nhìn chung, đất dốc tụ có độ phì trung bình khá, lại được phân bố ở vị trí địa hình bằng thấp, vì vậy, chúng khá thích hợp cho bố trí chuyên canh lúa nước, chuyên canh cây trồng cạn hàng năm hoặc luân canh lúa nước với cây trồng cạn hàng năm.

a5. Nhóm đất cát ven sông:

Có diện tích 141,84 ha, chiếm 0,6% diện tích tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã Hành Tín Đông (113,51 ha) và Hành Tín Tây (28,33 ha). Đất hình thành do trầm tích của sông. Đất cát thường có thành phần cơ giới (TPCG) thô, (tỷ lệ cát phổ biến > 80 %), kết cấu rời rạc, rất nghèo dinh dưỡng. Hàm lượng chất hữu cơ (OM), đạm (N), lân (P_2O_5) và kali (K_2O) tổng số và dễ tiêu đều thấp đến rất thấp; dung tích hấp thu/khả năng trao đổi cation (CEC) rất thấp, thường chỉ đạt < 10 meq/100 gam đất; khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng rất kém. Hiện đang được sử dụng trồng rau, màu và khu vực khai thác cát xây dựng.

a6. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá:

Diện tích 221,62 ha, chiếm 0,95% diện tích tự nhiên toàn huyện, phân bố ở xã Hành Dũng (155,64 ha), Hành Nhân (43,13 ha); Hành Đức (22,85 ha). Đất hình thành do bị xói mòn mạnh trơ sỏi đá, tầng đất mặt bị bào mòn, rửa trôi mãnh liệt nên còn rất mỏng, có đá lộ đầu hoặc mất hẳn tầng đất để trơ ra cả đá gốc, trở nên khô hạn khốc liệt. Đất không còn kết cấu và đã kiệt chất dinh dưỡng. Hồi phục độ phì nhiêu cho loại đất chỉ còn cách là trồng cây gây rừng, nhưng đây là cả một vấn đề khó khăn, cần có sự đầu tư lớn với một thời gian dài.

a7. Diện tích sông, suối, ao hồ:

Có diện tích 1.390,41 ha, chiếm 5,93% diện tích tự nhiên.

b. Tài nguyên nước

- Nước mặt: Kết quả điều tra thực tế cho thấy nguồn nước mặt cung cấp nước tưới cho đồng ruộng hầu hết các xã trong huyện Nghĩa Hành chủ yếu từ các sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Phước Giang, trong đó:

+ Nguồn nước mặt sông Trà Khúc, thông qua hệ thống kênh thủy lợi Thạch Nham, là nguồn nước chính cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt cho địa bàn 9 xã, thị trấn: Hành Thuận, Hành Trung, Hành Đức, Hành Minh, Hành Nhân, Hành Dũng, thị trấn Chợ Chùa, Hành Thịnh, Hành Phước.

+ Nguồn nước sông Vệ, thông qua hệ thống trạm bơm, cung cấp nước phục vụ sản xuất cho các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện.

+ Nguồn nước sông Phước Giang, thông qua các công trình thủy lợi nhỏ như: đập Đồng Thét được xây dựng trên sông Phước Giang, cung cấp nước tưới cho ruộng lúa ở xã Hành Nhân.

Nhìn chung nguồn nước mặt tương đối phong phú, cung cấp nước tưới cho phần lớn diện tích đất canh tác cây hàng năm và nước cho sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tuy nhiên do chịu ảnh hưởng của chế độ mưa theo mùa, các dòng sông vừa dốc vừa ngắn nên về mùa khô tình trạng thiếu nước tưới cho cây trồng vẫn xảy ra.

- Nguồn nước ngầm: Hiện nay, trên địa bàn huyện phần lớn nhân dân đang sử dụng nguồn nước ngầm mạch ngang, nông bằng giếng đào, độ sâu có nước từ 4 – 10 m, phục vụ sinh hoạt, nhìn chung nguồn nước ngầm ở Nghĩa Hành có chất lượng tốt, có thể phục vụ tốt cho sinh hoạt. Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá khoáng định vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Liên đoàn quy hoạch và điều tra tài nguyên nước miền Trung thực hiện cho thấy, lưu lượng bơm thử nghiệm khoảng 4-6 lít/s; tổng trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác tại huyện Nghĩa Hành 63.776 m³/ngày, trong đó chủ yếu từ tầng chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen và Pleistocen; do nguồn nước ngầm ở Nghĩa Hành tồn tại và vận động trong các lỗ hổng của đất, đá bờ rời (*nước lỗ hổng*) và trong các khe nứt của đá cứng nứt nẻ (*nước khe nứt*), chỉ thích hợp với khai thác quy mô nhỏ.

c. Tài nguyên rừng và thảm thực vật:

Theo thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2023, diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 10.201,45 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ có 1.021,96 ha và rừng sản xuất có 9.179,48 ha. Rừng tự nhiên ở Nghĩa Hành đa phần là rừng thứ sinh với rất ít loài thuộc loại gỗ quý hiếm; Rừng trồng chủ yếu là rừng keo nguyên liệu, điều ... sản lượng gỗ rừng trồng hàng năm khai thác khoảng 40-50 ngàn m³/năm. Độ che phủ đạt khoảng 43,8%.

d. Tài nguyên khoáng sản:

Theo tài liệu Quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi cho thấy trên địa bàn huyện Nghĩa Hành có một số khoáng sản như sau:

- Cao lanh ở các xã Hành Nhân, Hành Dũng, với qui mô nhỏ.
- Đá xây dựng có trữ lượng khá, nằm rải rác ở các xã Hành Dũng, Hành Minh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Nhân, Hành Đức, hàng năm khai thác từ 3 - 4 triệu viên đá ong, đá chẻ.
- Cát xây dựng phân bố dọc theo sông Vệ và sông Phước Giang với trữ lượng tương đối lớn. Tuy chất lượng cát không được sạch vì tạp chất nhiều nhưng đây là nguồn vật liệu xây dựng đáp ứng cho nhu cầu xây dựng ngày càng tăng trong địa bàn huyện.
- Đất sét dùng để sản xuất gạch ngói có trữ lượng lớn, hàng năm có thể khai thác khoảng 20.000 m³. Tuy nhiên đất sét phần lớn phân bố ở trên đồng ruộng, do đó việc khai thác phải kết hợp với cải tạo mặt bằng, bảo vệ đất lúa.

- Nước khoáng silic sunfua hydro cacdizit, là loại nước khoáng nóng có tác dụng chữa bệnh tốt, phân bố tại xã Hành Nhân. Hiện nay đang thăm dò và lập dự án đầu tư khai thác.

d. Tài nguyên nhân văn:

Huyện Nghĩa Hành có bề dày lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, có truyền thống cách mạng do vậy tài nguyên nhân văn của huyện khá phong phú, đa dạng với nhiều di tích văn hóa lịch sử tiêu biểu. Toàn huyện có 5 di tích cấp quốc gia (*Di tích Kiến trúc Trường Luỹ Quảng Ngãi; Di tích Chiến thắng Đình Cương, vị trí nằm ở phía Nam huyện Nghĩa Hành, nằm giữa 4 xã Hành Phước, Hành Thiện, Hành Đức và Hành Minh; Di tích Trụ sở Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ tại thôn Phú Bình Trung; Di tích vụ thảm sát Khánh Giang - Trường Lệ và Đình làng An Định xã Hành Dũng*) và 15 di tích cấp tỉnh được xếp hạng.

Bên cạnh những di tích lịch sử văn hóa kể trên địa phương còn có một số văn hóa phi vật thể như Dân ca Bài Chòi, lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Vệ, ngoài ra còn có một số khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp có giá trị phát triển du lịch như Suối Chí ở xã Hành Tín Đông, suối nước nóng ở xã Hành Nhân... Đây là lợi thế để huyện Nghĩa Hành khai thác phát triển du lịch góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phân tích hiện trạng môi trường

3.1. Môi trường nước:

- Hiện tại nguồn nước mặt trong khu vực quy hoạch khá dồi dào với hệ thống sông suối, ao hồ như Sông Vệ, sông Phước Giang, các suối..., là các trục tiêu nước chính của khu vực. Nguồn gây ô nhiễm nước chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Theo kết quả khảo sát thực tế thì chất lượng nước mặt trong khu vực quy hoạch vẫn còn tốt, chưa bị biến đổi nhiều, các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh, kim loại nặng đều nằm trong TCCP, chỉ có một số vị trí là nơi tiếp nhận nguồn thải là có dấu hiệu suy giảm cục bộ, nước có màu đen đục, mùi hôi. Tiêu biểu là tuyến mương chảy qua cụm công nghiệp Đồng Dinh, là nơi tiếp nhận toàn bộ nước thải chưa qua xử lý của cụm công nghiệp khiến cho nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ. Tuy nhiên, hiện nay toàn bộ nước thải sinh hoạt của các khu dân cư nông thôn và thị trấn Chợ Chùa chưa qua xử lý thải trực tiếp ra môi trường đây sẽ là một trong những nguy cơ dẫn tới ô nhiễm môi trường nước.

- Nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân khu vực chủ yếu là nguồn nước ngầm, được sử dụng trực tiếp không qua xử lý (trừ khu vực thị trấn Chợ Chùa có nhà máy nước sinh hoạt). Qua khảo sát thực tế thì hiện tại nguồn nước ngầm chất lượng tốt, tuy nhiên đã có hiện tượng sụt giảm mực nước do việc khai thác sử dụng quá mức của người dân.

3.2. Môi trường đất:

- Tác động của con người: Trong khu vực nghiên cứu môi trường đất hầu như chưa bị tác động mạnh. Nguồn gây ô nhiễm chính cho môi trường đất là chất thải trong sinh hoạt của người dân và các loại hóa chất trong sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... Nhìn chung, lượng chất thải này hiện vẫn chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất. Tuy nhiên, một số khu vực đất trống, rác thải vứt bừa bãi gây mất cảnh quan, gây ô nhiễm môi trường đất, nước cục bộ.

- Tác động của thiên nhiên: Do tác động của biến đổi khí hậu làm cho tình trạng hạn hán vào mùa khô ngày càng gay gắt, kéo theo đất đai trở nên chai cứng, hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất suy giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó mùa mưa tập trung với lượng mưa lớn gây ngập lụt, sạt lở đất ven sông suối dẫn đến tình trạng thoái hóa đất đai đặc biệt là những khu vực các xã vùng cao.

- Mức độ sạt lở ven sông Vệ đoạn qua huyện ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng này làm giảm đất sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến nhiều tuyến đường giao thông và đe dọa cuộc sống của hàng trăm hộ dân nơi đây: Có 3 thôn là An Chỉ Tây, Hòa Mỹ và Thuận Hòa ở xã Hành Phước, thường xuyên xảy ra sạt lở đất vào mùa mưa bão. Trong đó: Thôn An Chỉ Tây là một trong 3 điểm sạt lở nặng nề nhất. Năm 2019, điểm sạt lở đã ăn sâu vào nền đường giao thông khoảng gần 1km.

3.3. Môi trường không khí:

Không khí ở khu vực đô thị nhìn chung còn khá tốt, một số nơi chất lượng không ổn định do chịu ảnh hưởng của hoạt động giao thông, xây dựng và các hoạt động công nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư. Môi trường không khí tại cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp đã bắt đầu bị ô nhiễm, chủ yếu tập trung ở cụm công nghiệp Đồng Dinh. Nguyên nhân một phần là do các hầu hết các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp đều chưa quan tâm đến việc xử lý khí thải, mặt khác cụm công nghiệp còn đang trong giai đoạn hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, đã làm ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

Theo đánh giá từ đồ án quy hoạch vùng huyện cho thấy, tại khu vực đô thị và các khu dân cư tập trung, độ ồn vẫn nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Đối với khu vực dọc theo các trục giao thông chính độ ồn khoảng 65 - 70 dBA, xấp xỉ vượt ngưỡng tiêu chuẩn cho phép.

4. Nguồn nhân lực:

Huyện Nghĩa Hành có khoảng 50.521 người trong độ tuổi lao động, chiếm tỷ trọng cao (54,57%) trong tổng số dân và có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Đây là nguồn nhân lực bổ sung cho phát triển nền kinh tế, nhưng đồng thời cũng là áp lực đối với vấn đề đào tạo việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội.

II. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu KH năm 2024	ƯỚC TH năm 2024	So với Kế hoạch
A. Nhóm chỉ tiêu về kinh tế (08 chỉ tiêu)					
1	Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010)	%	9,23	9,91	Vượt
Trong đó:	Tốc độ tăng trưởng khu vực Nông – lâm nghiệp, thủy sản	%		3,78	
	Tốc độ tăng trưởng khu vực Công nghiệp – Xây dựng	%		11,10	
	Tốc độ tăng trưởng khu vực Thương mại – Dịch vụ	%		11,75	
2	Cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng khu vực Nông – lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực Công nghiệp – xây dựng và khu vực Thương mại – dịch vụ. Cụ thể:				Đạt
	- Tỷ trọng khu vực Nông – lâm nghiệp, thủy sản	%	19,5-20,5	19,16	
	- Tỷ trọng khu vực Công nghiệp – Xây dựng và khu vực Dịch vụ	%	79,5-80,5	80,89	
	+ Trong đó, tỷ trọng khu vực Công nghiệp – xây dựng	%	31-31,5	31,11	
3	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	48.315	49.605	Vượt
4	Đàn bò	Con	25.596	25.598	Vượt
	Trong đó, tỷ lệ bò lai	%	98	98,12	Vượt
5	Đàn trâu	Con	3.044	3.044	Đạt
6	Đàn lợn	Con	46.684	56.635	Vượt
7	Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn vượt mức chỉ tiêu tỉnh giao trên 5%	Tỷ đồng	81,64	119,993	Vượt (vượt DT tỉnh giao 46,98%)
8	Hoàn thiện tiêu chí Mật độ đường chính của đô thị loại V (thị trấn Chợ Chùa)	Tiêu chí	01	01	Đạt
B. Nhóm chỉ tiêu về văn hóa – xã hội (gồm 11 chỉ tiêu)					
9	Phấn đấu xây dựng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trong đó tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho xã Hành Thuận	xã	03	0	Chỉ tiêu này không đánh giá vì UBND tỉnh điều chỉnh tại Quyết định số 518/QĐ - UBND ngày 17/7/2024.
10	Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; lũy kế có 34/36 trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	06	06	Đạt
11	Về văn hóa				Đạt
	- Hộ gia đình văn hóa	Hộ	23.433	23.433	
	- Thôn, tổ dân phố văn hóa	Thôn, TDP	72	72	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	98	98	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu KH năm 2024	ƯỚC TH năm 2024	So với Kế hoạch
12	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%	0,6	0,6	Đạt
13	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	Dưới 6	4,1	Vượt
14	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	3,8	4	Vượt
15	Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế cấp xã)	Giường	20	25	Đạt
16	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	95	95,16	Vượt
17	Số lao động có việc làm tăng thêm	Lao động	500 - 550	588	Vượt
	Trong đó, số lao động đi làm việc ở các nước theo hợp đồng	Lao động	15 – 17	16	Đạt
18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65,7	65,7	Đạt
19	Tỷ lệ hộ nghèo	%	2,41	2,41	Đạt
C. Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường (gồm 05 chỉ tiêu)					
20	Độ che phủ rừng	%	44	44,32	Vượt
21	Tỷ lệ cây xanh ở trung tâm huyện lỵ	%	91	92	Vượt
22	Tỷ lệ dân cư được dùng nước hợp vệ sinh	%	100	100	Đạt
23	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị	%	99	99	Đạt
24	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn	%	98	98	Đạt
D. Nhóm chỉ tiêu về Quốc phòng – An ninh (gồm 02 chỉ tiêu)					
25	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt vững mạnh về Quốc phòng	%	100	100	Đạt
	Trong đó: Xã, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện	%	80	80	Đạt
26	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”				Đạt
	- Xã, thị trấn	%	100		
	- Cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường	%	80		

(Nguồn: Theo Báo cáo số 442/BC-UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện Nghĩa Hành về tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2025)

Trong 26 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2024, không thực hiện đánh giá 01 chỉ tiêu: “Phấn đấu xây dựng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trong đó tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho xã Hành Thuận vì được điều chỉnh tại Quyết định số 518/QĐ-UBND của UBND tỉnh; thực hiện đạt và vượt 25/25 chỉ tiêu, trong đó, 11 chỉ tiêu vượt, gồm:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất đạt 9,91% (KH: 9,23%).

(2) Sản lượng lương thực có hạt 49.605 tấn (KH: 48.315 tấn).

(3) Đàn bò 25.598 con (KH: 25.596 con).

(4) Đàn lợn 56.635 con (KH: 46.684 con).

(5) Tổng thu ngân sách trên địa bàn vượt chỉ tiêu tỉnh giao 46,98% (KH: Vượt chỉ tiêu tỉnh giao 5%).

(6) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi đạt 4,1% (KH: dưới 6%).

(7) Số bác sĩ/vận dân: đạt 4 bác sĩ/vận dân (KH: 3,8 bác sĩ/vận dân).

(8) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95,16% (KH: 95%).

(9) Số lao động có việc làm tăng thêm: 588 lao động (KH: 500 – 550 lao động).

(10) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 44,32% (KH: 44%).

(11) Tỷ lệ cây xanh ở trung tâm huyện lỵ đạt 92% (KH: 91%).

1. Lĩnh vực kinh tế

Tổng giá trị sản xuất ước đạt 5.961,39 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng 9,91%¹ so với cùng kỳ năm 2023, vượt 0,63% KH năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đạt kế hoạch đề ra: tỷ trọng khu vực nông – lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,45%, giảm 1,06% so với cùng kỳ năm 2023; Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực Dịch vụ tiếp tục gia tăng, chiếm 80,54%². Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 55,8 triệu đồng/người/năm, tăng 5,17 triệu đồng/người/năm so với năm 2023, vượt Kế hoạch (KH: 53 triệu đồng/người/năm).

1.1. Sản xuất nông – lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 1.159,65 tỷ đồng, tăng 3,78% so với năm 2023, đạt 99,23% KH năm³.

Về trồng trọt: Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 49.605 tấn, tăng 1,02% so với năm 2023, vượt 2,67% KH. Trong đó: cây lúa: diện tích 6.032 ha, tăng 0,15% so với năm 2023, vượt 0,39% KH; năng suất 67,1 tạ/ha, tăng 1,81% so với năm 2023, vượt 2,66% KH; sản lượng 40.448 tấn, tăng 1,97% so với năm 2023, vượt 3,06% KH; cây ngô lấy hạt: diện tích đạt 1.383 ha, giảm 4,07% so với năm 2023, đạt 99,96% KH; năng suất 66,2 tạ/ha, tăng 1,14% so với năm 2023, vượt 1,04% KH; sản lượng 9.157 tấn, giảm 2,98% so với năm 2023, vượt 1% KH.

Tiếp tục triển khai thực hiện cánh đồng mẫu lớn trên 10 cánh đồng với tổng diện tích 158 ha, năng suất đạt 69 – 70 tạ/ha và 03 mô hình trình diễn, sản xuất thử các loại giống lúa, sản mới đạt năng suất cao. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật về “1 phải 5 giảm” trong sản xuất lúa; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa sản xuất thiếu nước. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ

¹ Kế hoạch: tăng 9,23%. Trong đó: khu vực nông – lâm nghiệp, thủy sản đạt 1.159,65 tỷ đồng, tăng 3,78% so với cùng kỳ, đạt 99,23% KH; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 1.854,24 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ, vượt 0,94% KH; khu vực thương mại - dịch vụ đạt 2.947,5 tỷ đồng, tăng 11,75% so với cùng kỳ, vượt 0,99% KH

² Trong đó, khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 31,1%, tăng 0,31% so với cùng kỳ và khu vực dịch vụ chiếm 49,44%, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm 2023.

³ Trong đó, giá trị nông nghiệp đạt 1.069,14 tỷ đồng, tăng 3,46%; lâm nghiệp đạt 85,67 tỷ đồng, tăng 8%; thủy sản đạt 4,75 tỷ, tăng 1,45% so với năm 2023.

thuật về giống, quy trình canh tác bền vững; áp dụng cơ giới hóa nhằm tăng hiệu quả kinh tế.

Nhìn chung tình hình sản xuất các loại cây trồng tương đối ổn định, năng suất lúa tương đối cao do thời tiết ổn định, tình hình chuột phá hại vẫn còn xảy ra làm ảnh hưởng đến năng suất một số rau màu, diện tích sản xuất cây ngô có hạt tiếp tục giảm so với năm 2023 cùng với việc chuyển đổi loại cây trồng sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn như ngô sinh khối, cỏ voi (73 ha) ... đã ảnh hưởng đến sản lượng lương thực có hạt.

Tổng diện tích trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện đạt 809,86 ha, trong đó diện tích trồng mới vùng chuyên canh cây ăn quả trong năm 2024 đạt 5,15 ha; chủ yếu với các loại cây: chuối ngự 163,89 ha, sầu riêng 125,87 ha, bưởi da xanh 238,5 ha, mít thái 166,27 ha, chôm chôm 40,61 ha và các loại cây ăn quả khác như thanh long, nhãn, xoài, bơ, ổi, dứa... 73,92 ha.

Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo kỹ thuật, hướng dẫn chăm sóc và phòng, trừ sâu, bệnh các loại cây ăn quả và các mô hình cây cam, cây quýt (thôn Bình Thành, xã Hành Nhân), mô hình cây Na thái (xã Hành Thiện) với diện tích 2,5 ha; mô hình cây Ổi (Hành Thiện, Hành Tín Tây, Hành Phước) diện tích 05 ha; mô hình Chuối ngự (Hành Phước) diện tích 01 ha kịp thời; đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

Về chăn nuôi và thú y: Chăn nuôi phát triển ổn định; tổng đàn gia súc đạt 85.277 con⁴, đàn gia cầm 509.930 con. Thực hiện chương trình cải tạo giống bò thịt, nâng cao tầm vóc và chất lượng đàn bò thịt qua các giống bò cao sản, BBB, bò lai... Chú trọng phát triển đàn heo theo hướng nạc; chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình trang trại; nâng cao chất lượng con giống; ứng dụng khoa học công nghệ, chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm; công tác khử trùng tiêu độc chuồng trại, lò mổ, các nơi mua bán gia súc, gia cầm; tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm.

Lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 1.128 ha, tăng 9,45% so với năm 2023, vượt 73,54% KH. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 81.000m³. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 44,32%, tăng 1,32% so với cùng kỳ, vượt 0,32% KH năm. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát tình hình chặt phá rừng, làm rẫy, đốt than, khai thác gỗ và lâm sản, các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, vi phạm các quy định PCCCR; xảy ra 01 vụ cháy rừng với tổng diện tích thiệt hại 6,23 ha. Tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành Dự án lập kế hoạch giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với diện tích rừng tự nhiên thuộc Dự án KfW6 trên địa bàn huyện.

Thủy sản: Tổng diện tích nuôi thủy sản nước ngọt 31,1 ha, giảm 6,42% so

⁴ Trong đó, đàn trâu 3.044 con, đạt 98,28% so với cùng kỳ, đạt 100% KH; đàn bò 25.598 con, tăng 4,25% so với cùng kỳ, đạt 100,01% KH năm, tỷ lệ bò lai chiếm 98,12% tổng đàn, vượt KH đề ra; đàn lợn 56.635 con, đạt 100,48% so với cùng kỳ, tăng 21,32% KH năm, trong đó: sản lượng thịt hơi xuất chuồng 13.110 tấn, tăng 1,81% so với cùng kỳ, vượt 7,44% KH năm.

với cùng kỳ năm 2023, đạt 100,32% KH; sản lượng nuôi trồng đạt 41 tấn, đạt 54,67% KH năm; sản lượng khai thác thủy sản 41,85 tấn, tăng 9,33% so với cùng kỳ, đạt 82,09% KH. Các đối tượng thả nuôi chủ yếu là các loại cá nước ngọt truyền thống như: cá diêu hồng, rô phi, cá mè, trắm cỏ, trê lai.

Về công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Thường xuyên theo dõi tình hình hạn hán trên địa bàn; tổ chức kiểm tra các tuyến kênh mương, có phương án và đề xuất sửa chữa, đầu tư kiên cố hóa nhằm đảm bảo nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp⁵. Tăng cường tuyên truyền Nhân dân chủ động ứng phó thiên tai, hạn chế thiệt hại về người và tài sản do mưa, bão gây ra.

1.2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng ước đạt 1.854,24 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ, đạt 100,94% KH năm. Các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động tích cực, sôi động. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã phục hồi sản xuất, ngành sản xuất các sản phẩm từ gỗ góp phần lớn vào tăng trưởng chung của sản xuất công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 884,7 tỷ đồng, tăng 10,25% so với năm 2023, vượt 0,26% KH năm. Chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn; chú trọng thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp. Thực hiện kiểm tra quy hoạch, ngành nghề thu hút đầu tư đối với các dự án mới xin đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Cụm công nghiệp Đồng Dinh và thực hiện các nội dung liên quan đến thủ tục triển khai dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức. Tác động của Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021 – 2025 ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng của giá trị ngành xây dựng, ước năm 2024 đạt 969,54 tỷ, tăng 11,88% so với năm 2023, vượt 1,56% KH.

Tăng cường công tác kiểm tra và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thị trấn Chợ Chùa. Cấp 42 giấy phép xây dựng trên địa bàn thị trấn Chợ Chùa; tổ chức kiểm tra việc chấp hành xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ sau khi được cấp phép xây dựng. Duy trì tốt việc vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn trung tâm thị trấn Chợ Chùa và Tỉnh lộ 624. Tổ chức khảo sát hệ thống điện chiếu sáng đô thị để có cơ sở đầu tư điện chiếu sáng ở các khu dân cư trên địa bàn thị trấn Chợ Chùa. Đề xuất Công ty Điện lực Quảng Ngãi đầu tư hoàn thiện hạ tầng cung cấp điện sinh hoạt khu vực nông thôn và các khu dân cư tập trung khu vực đô thị. Tăng cường tuyên truyền về quản lý điện cao áp trên địa bàn, bảo đảm an toàn vào mùa khô, hạn chế việc đốt, phá rừng, thả điều gây ảnh hưởng đến công tác vận hành công trình điện, mất an toàn lưới điện cao áp.

1.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch

⁵ Gồm 02 công trình từ nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi năm 2024; 04 công trình và 07 tuyến kênh mương đề xuất từ nguồn kinh phí tỉnh.

Giá trị khu vực dịch vụ năm 2024 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 2.947,5 tỷ đồng, tăng 11,75% so với năm 2023, đạt 100,99% KH. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động tốt, thị trường tiêu thụ sản phẩm thuận lợi. Thực hiện tốt việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh các ngành nghề có điều kiện theo thẩm quyền⁶. Du lịch từng bước có sự thay đổi tích cực. Tổ chức nhiều hoạt động nhằm triển khai Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành⁷, các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, trải nghiệm, mua sắm. Ước năm 2024 có khoảng 80.000 lượt khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 ước đạt 4.214,19 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 16,62% (695,32 tỷ đồng)⁸; tăng đồng đều giữa các lĩnh vực trong đó chủ yếu do tổng mức bán lẻ hàng hoá tăng 16,65% (601,63 tỷ đồng); doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 16,33% (69,18 tỷ đồng); doanh thu du lịch lữ hành tăng 16,67% (2,50 tỷ đồng); doanh thu dịch vụ tiêu dùng cuối cùng khác tăng 16,69% (22,01 tỷ đồng).

Hoạt động vận tải, kho bãi phát triển đáng kể, doanh thu ước đạt 311 tỷ đồng, tăng 23,56% so với năm 2023⁹. Tín dụng ngân hàng tăng trưởng khá, chủ yếu cho vay hộ sản xuất kinh doanh và cá nhân phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn; cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, xuất khẩu lao động,... góp phần giải quyết an sinh xã hội trong huyện.

1.4. Về công tác quy hoạch, giao thông và phát triển đô thị

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Trung tâm thị trấn Chợ Chùa¹⁰. Tiến hành hoàn thiện tiêu chí Mật độ đường chính của đô thị theo Kế hoạch. Xin chủ trương lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp lấn chiếm vỉa hè, lòng lề

⁶ Ước có 24 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 14,28% so với năm 2023 và 270 hộ kinh doanh thành lập mới, tăng 21,07% so với năm 2023. Cấp 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai; 04 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, 02 giấy phép bán lẻ rượu.

⁷ Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển du lịch năm 2024 đồng thời trưng bày sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tại khu du lịch Hi' Land Suối Chí; Liên hoan “Mỗi sản phẩm OCOP là một câu chuyện kể” và không gian du lịch cộng đồng, nông nghiệp, nông thôn năm 2024; HTX nông nghiệp dịch vụ và du lịch cộng đồng Bình Thành tổ chức Đêm ẩm thực đồng quê nhân dịp chào mừng 49 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2024).

⁸ Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi, cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ ngay từ đầu năm đến nay. Dịch vụ ăn uống tăng không cao so với cùng kỳ năm trước là do ảnh hưởng của công tác tăng cường tuần tra xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông, nhất là xử lý vi phạm nồng độ cồn đối với người điều khiển các phương tiện giao thông.

⁹ Trong đó, vận chuyển 1.265 nghìn tấn hàng hóa, tăng 18,75% so với năm 2023; vận tải hành khách đạt 113 nghìn hành khách, tăng 21,32% so với năm 2023.

¹⁰ Theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND huyện.

đường nhằm thiết lập trật tự quản lý đô thị.

Thực hiện sửa chữa các công trình giao thông năm 2024. Phê duyệt danh mục công trình và khối lượng 3.081 tấn xi măng; đăng ký bổ sung 659,28 tấn xi măng (đợt 2 năm 2024). Kiểm tra, đề xuất phương án thiết kế xây dựng hệ thống thoát nước dọc trên tuyến đường ĐT.524 (đoạn Cầu Ngắt – Cầu Dài). Kiến nghị Sở Giao thông vận tải đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các công trình cầu yếu¹¹, đảm bảo an toàn cho Nhân dân tham gia giao thông trong mùa mưa lũ 2024. Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về giao thông liên quan đến công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021–2025 (đoạn qua huyện Nghĩa Hành)¹².

1.5. Thu, chi ngân sách

Tăng cường rà soát, thực hiện quyết liệt các biện pháp quản lý thuế, nhằm chống thất thu thuế, tăng nguồn thu ngân sách địa phương. Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 119,993 tỷ đồng, tăng 47,65% so với cùng kỳ năm 2023, vượt 46,98% dự toán tỉnh và NQ HĐND huyện giao (*trong đó thu sử dụng đất trên địa bàn đạt 50 tỷ đồng, đạt 142,86% dự toán tỉnh giao*). Thu ngân sách địa phương ước đạt 60,21 tỷ đồng, giảm 17,34% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 83,35% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (*trừ chỉ tiêu giao thu sử dụng đất, ước năm 2024 thu ngân sách địa phương đạt 60,077 tỷ đồng, vượt 42,43% dự toán*).

Điều hành chi ngân sách đi vào ổn định, tiết kiệm, hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi tiêu công. Tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 794,462 tỷ đồng, đạt 132,41% KH; trong đó chi đầu tư phát triển 130,387 tỷ đồng, chi thường xuyên 397,035 tỷ đồng.

1.6. Đầu tư phát triển

Kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; ban hành Công văn số 80/UBND ngày 11/01/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024. Thường xuyên tổ chức trực báo về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường công trình để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và chỉ đạo các cơ

¹¹ Kinh phí ước khoảng 28 tỷ đồng: (1) Cầu Phú Thọ, xã Hành Tín Tây; (2) Cầu Tú Chanh, Xã Hành Trung.

¹² Rà soát, báo cáo các tuyến đường có nhu cầu mở rộng phục vụ dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 huyện Nghĩa Hành. Đề nghị Ban Quản lý dự án 2 thống nhất bổ sung hầm chui dân sinh tại Km9+625 (*Thôn Long Bàn Bắc, xã Hành Minh*) thuộc dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn; bổ sung một số đường gom dân sinh tại các xã Hành Dũng, Hành Phước. Thông qua phương án thiết kế bổ sung hệ thống thoát nước ngang tại lỵ trình đoạn Km 10+00 – Km10+500 đoạn qua thôn Long Bàn Nam, xã Hành Minh theo kiến nghị của Nhân dân. Thông qua phương án thiết kế và điều chỉnh dịch chuyển trạm dừng nghỉ dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn đến vị trí mới (*Km15+562*); Góp ý và đề xuất, kiến nghị về vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ trên cao tốc thuộc dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn sau khi điều chỉnh phương án thiết kế dịch chuyển đến vị trí mới.

quan chuyên môn theo dõi, xử lý các vướng mắc theo thẩm quyền, kịp thời tổng hợp báo cáo UBND huyện tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc. **Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024** là 143,926 tỷ đồng; ước giải ngân đạt 130,88 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 90,94%.

1.7. Về thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới: Chỉ đạo UBND các xã tiếp tục rà soát các tiêu chí xây dựng NTM để đáp ứng theo yêu cầu bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025, đối với tiêu chí chưa đạt tiếp tục xây dựng để duy trì đạt chuẩn; tổ chức Hội nghị “Triển khai kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp năm 2024”. Làm việc với UBND xã Hành Thuận về xây dựng xã NTM nâng cao¹³. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP; thực hiện hỗ trợ hoàn thiện 05 sản phẩm để tham gia đánh giá, phân hạng OCOP 3 sao¹⁴.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; kịp thời giải ngân vốn để thực hiện các dự án.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện toàn diện các nội dung của Chương trình, đảm bảo đúng thời gian, tiến độ và quy định của pháp luật.

1.8. Cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp; góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024¹⁵. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 03 nhiệm vụ trọng tâm¹⁶ và 02 nhiệm vụ đột phá¹⁷ giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và báo cáo những khó khăn, vướng mắc để theo dõi, chỉ đạo. Tạo mọi điều kiện

¹³ rà soát các tiêu chí xây dựng xã NTM nâng cao, xác định tiến độ thực hiện và tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2024.

¹⁴ Sản phẩm Chả lụa thịt heo, Xúc xích thịt heo tại xã Hành Thiện; Thịt bò khô bà Năm, thị trấn Chợ Chùa; Nấm bào ngư xám HT xã Hành Minh; Rượu nếp Bầu Địa xã Hành Nhân.

¹⁵ Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; UBND huyện ban hành Quyết định số 877/QĐ/UBND ngày 19/3/2024 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành.

¹⁶ (1) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (2) Xây dựng nông thôn mới, phát triển đô thị; (3) Phát triển ngành chăn nuôi và vùng chuyên canh trồng cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa.

¹⁷ (1) Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ; (2) Huy động mọi nguồn lực để xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng đô thị.

thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh; khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo.

Chú trọng đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính¹⁸. Thường xuyên rà soát, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Chú trọng phối hợp giải quyết việc làm và tăng việc làm mới cho người lao động, giúp cải thiện đời sống vật chất cho Nhân dân. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình về giải quyết việc làm.

1.9. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Công tác quản lý nhà nước về đất đai chú trọng thực hiện. Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành; hoàn thành công tác lập Kế hoạch sử dụng đất 2024 huyện Nghĩa Hành¹⁹; công tác Thống kê đất đai năm 2023 huyện Nghĩa Hành. Cấp 108 GCN quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; hủy 01 GCN quyền sử dụng đất, thu hồi 07 GCN quyền sử dụng đất.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021–2025²⁰; hoàn thành công tác GPMB và bàn giao mặt bằng tuyến chính 141,91 ha/141,91 ha, đạt 100% KH. Triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phần còn lại và điều chỉnh, bổ sung tuyến.

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường ngày càng được quan tâm. Tiếp nhận và giải quyết 01 hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp huyện²¹. Thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện. Triển khai các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ, kỷ niệm về tài

¹⁸ Ban hành các kế hoạch: số 427/KH-UBND ngày 05/3/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành; số 648/KH-UBND ngày 05/3/2024 về kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành; số 465/KH-UBND ngày 08/3/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính huyện Nghĩa Hành; số 634/KH-UBND ngày 26/3/2024 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 tại các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Nghĩa Hành; ...

¹⁹ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

²⁰ Thẩm định bản đồ địa chính; xác định giá đất cụ thể, hệ số điều chỉnh giá đất; xác định loại đất đối với các thửa đất không có giấy tờ xác định loại đất đối với các thửa đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất; thu hồi đất và phê duyệt Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

²¹ thu phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường và nộp 100% vào Ngân sách Nhà nước với số tiền 10.350.000 đồng.

nguyên, môi trường²²; triển khai thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về quản lý chất thải nguy hại. Kiểm tra đột xuất hoạt động khai thác khoáng sản đối với Công ty TNHH Xây dựng Vương Thắng tại mỏ cát Vạn Xuân 2, xã Hành Thiện.

2. Lĩnh vực văn hóa – xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Triển khai công tác tuyển sinh đầu năm học đảm bảo quy định²³ và tổ chức khai giảng năm học mới 2024 – 2025. Tổ chức nhiều cuộc thi cho học sinh, giáo viên các cấp, tạo khí thế thi đua sôi nổi, phát hiện nhiều tài năng ở nhiều lĩnh vực và cử dự thi cấp tỉnh, đạt nhiều thành tích cao²⁴. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các đơn vị giáo dục thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018; đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024, lũy kế đến cuối năm 2024, có 34/36 trường đạt chuẩn quốc gia (11/12 trường mầm non, 12/12 trường Tiểu học, 11/12 trường THCS), đạt 100% KH. Công tác kiểm tra chuyên môn trường học, trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh được tăng cường; tích cực thực hiện chuyển đổi số trong quản lý giáo dục.

2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân từng bước được cải thiện, nhất là tuyến y tế cơ sở. Mạng lưới hệ thống thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn có sự phát triển tích cực. Cơ sở vật chất, dụng cụ y tế và thuốc cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, điều trị bệnh của Nhân dân; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân lực y tế nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới. Năm 2024, trung bình có 4 bác sĩ/vạn dân, 25,7 giường bệnh/vạn dân, giữ vững 12/12 trạm y tế có bác sĩ và 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,16%.

²² Ngày lễ kỷ niệm về môi trường năm 2024: Ngày Đất ngập nước thế giới (02/2) Ngày Môi trường thế giới (05/6); Nước thế giới (22/3), Ngày Khí tượng thế giới (23/3) và Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2024; Ngày môi trường thế giới (05/6) và Tháng hành động vì môi trường năm 2024

²³ Mầm non 2.494 cháu, đạt 103,92%KH; Tiểu học 6.142 học sinh, đạt 99,13%KH; THCS 4.558 học sinh, đạt 99,41%KH; THPT 2.460 học sinh, đạt 99,88%KH.

²⁴ Tổ chức các hội thi cấp huyện: Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện Bạc MN có 46 giáo viên tham gia và đạt giải 46/46 giáo viên; Tổ chức hội thi GVCN giỏi bậc THCS cấp huyện có 25 giáo viên của 11/12 trường đăng ký tham gia hội thi, kết quả có 23/25 giáo viên đạt. Tỷ lệ: 92%. Trong đó: Giải Nhất: 01/23 GV; Giải Nhì: 02/23 GV; Giải Ba: 10/23 GV; Khuyến khích: 06/23; Đạt: 04/23; Hội thi ATGT bậc Mầm non cấp huyện năm học 2023-2024 thành công tốt đẹp, kết quả cá nhân có 71/71 cháu đạt giải trong đó: Nhất 07; Nhì 31; Ba 27; Khuyến khích 06; Tập thể đạt 01 giải nhất; 03 giải nhì; 05 giải ba và 02 giải khuyến khích; Hội thi Olympic tài năng tiếng Anh cấp huyện có 12/12 trường THCS tham gia dự thi với 72 học sinh tham gia, kết quả: Phần Tự giới thiệu có 01 giải nhất, 02 giải nhì, 04 giải ba; Phần thi vào cuộc có 04 giải nhất, 11 giải nhì và 22 giải ba; phần thi Hùng biện có 01 giải nhất, 02 giải nhì và 04 giải ba; Tập thể đạt 01 giải nhất, 03 giải nhì, 06 giải ba và 02 giải khuyến khích; Tổ chức Hội thi viết chữ đúng, rèn chữ đẹp cấp huyện có 395 học sinh đạt giải cá nhân; 12/12 tập thể đạt giải trong đó: 02 giải nhất, 03 giải nhì, 04 giải ba và 3 giải khuyến khích. Tham gia các hội thi cấp tỉnh: Đoàn học sinh và giáo viên bậc THCS tham gia Hội thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh; Đạt 2 giải Nhì, 1 giải Ba và 1 giải Tư; Đoàn tham gia thi HSG lớp 9 cấp tỉnh kết quả đạt 63/100 học sinh tham gia, xếp hạng thứ 04/13 huyện/thị xã/thành phố toàn tỉnh; Tham gia Hội thi giáo dục an toàn giao thông cấp tỉnh đạt giải ba; Tham gia Hội thi Olympic tài năng tiếng Anh cấp tỉnh đạt giải ba.

Chú trọng công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Trên địa bàn huyện có 03 cơ sở công bố đủ điều kiện tiêm chủng (*01 cơ sở tuyến huyện và 02 cơ sở tư nhân*); góp phần tăng cường khả năng phòng, chống và ứng phó đối với các loại dịch bệnh và bệnh ở người. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, không để bùng phát ổ dịch trên diện rộng và không có trường hợp tử vong. Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở các cơ sở kinh doanh²⁵. Tổ chức thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ kịp thời, trong đó, thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực. Triển khai thực hiện các mô hình nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

2.3. Lao động, thương binh và xã hội

Phối hợp giải quyết việc làm và tăng việc làm mới cho người lao động; có 588 lao động có việc làm tăng thêm, tăng 17,13% so với năm 2023, vượt 6,91% KH, vận động 17 lao động tham gia lao động có thời hạn tại các nước, đạt 100% KH. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65,7%, đạt 100% KH.

Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cuối năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 kịp thời, ước năm 2024, toàn huyện giảm 203 hộ, tổng số hộ nghèo còn 631 hộ, tỷ lệ hộ nghèo 2,41%, đạt 100% KH.

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội. Tăng cường công tác quản lý trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn thực hiện.

2.4. Văn hóa, thể thao

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phong phú; đẩy mạnh các phong trào văn nghệ, thể thao quần chúng, thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp Nhân dân trong xã hội, góp phần nâng cao thể chất và tinh thần của Nhân dân²⁶. Đầu tư chỉnh trang, sửa chữa hệ thống trang trí, đèn led khu vực trung tâm thị trấn Chợ Chùa.

Tăng cường công tác quản lý văn hóa, tổ chức kiểm tra hoạt động của các đoàn nghệ thuật, trò chơi dân gian hoạt động trên địa bàn huyện. Quan tâm công

²⁵ Tổ chức 03 đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, có 43/45 cơ sở được kiểm tra thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong kinh doanh, 02 cơ sở vi phạm và bị xử phạt.

²⁶ Văn hóa, văn nghệ: tổ chức đêm văn nghệ mừng đảng mừng xuân Giáp Thìn vào đêm 23 âm lịch, thực hiện livestream trực tiếp trên trang Fanpage “Phòng Văn hóa và Thông tin” tạo sự lan tỏa đến mọi người dân trên địa bàn huyện; Ngày Bon sai – Mai vàng huyện Nghĩa Hành lần thứ II năm 2024; phát động cuộc thi ảnh nghệ thuật về chủ đề “Khoảnh khắc Nghĩa Hành”. Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Liên hoan “Mỗi sản phẩm OCOP là một câu chuyện kể”. Tham gia Liên hoan Gia đình văn hóa tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 Thể dục, thể thao: Tổ chức giải cầu lông thanh thiếu nhi – nhi đồng huyện Nghĩa Hành năm 2024; Giải Đua thuyền Truyền thống huyện Nghĩa Hành năm 2024; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành; phối hợp tổ chức vô địch – vô địch trẻ, thiếu niên Boxing tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; các giải bóng chuyền nam, nữ nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn.

tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn huyện. Vệ sinh và chỉnh trang nhà truyền thống huyện; di tích chiến thắng Đình Cương. Dâng hương Cụ Huỳnh Thúc Kháng vào dịp đầu năm mới Giáp Thìn 2024, tại Nhà lưu niệm thuộc di tích "Trụ sở Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ. Tiếp đoàn Hiệp hội Cựu chiến binh tỉnh Champasak/Lào về thăm Khu di tích nơi làm lễ xuất quân tình nguyện Việt Nam đi làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào (xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành).

2.5. Thông tin, truyền thông và chuyển đổi số

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của địa phương. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước²⁷; nâng cao chất lượng các tin, bài truyền thanh, phát thanh, góp phần đưa các chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống. Khảo sát địa điểm xây dựng, lắp đặt, phát sóng trạm BTS Vinaphone tại thị trấn Chợ Chùa.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện chuyển đổi số, đạt nhiều kết quả tích cực²⁸. Tổ chức tập huấn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức nhiều hoạt động nhân dịp Tuần lễ chuyển đổi số năm 2024 của tỉnh: Diễn tập phòng thủ an toàn thông tin tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Hội thảo Chuyển đổi số - Thúc đẩy cải cách hành chính...

2.6. Khoa học và công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị đối với khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thực hiện công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015 của UBND huyện.

3. Lĩnh vực tổ chức nhà nước, nội chính, quốc phòng, an ninh

3.1. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng

Tiếp tục tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chuyên đề học tập năm 2024; những mô hình, tấm gương “người tốt, việc tốt”, các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua... Tuyên truyền các văn bản về đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc MTTQ Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2024 – 2029...

²⁸ 100% các phòng, ban, đơn vị của UBND huyện đều có mạng nội bộ và kết nối Internet. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức từ cấp huyện và cấp xã là 100%. Phủ rộng mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng tạo môi trường thuận lợi trong công tác chuyển đổi số, tăng cường phổ cập, khuyến khích người dân sử dụng dữ liệu di động tốc độ cao 4G và sử dụng thiết bị di động thông minh. Toàn huyện có 88 trạm phát sóng mạng thông tin di động (BTS), 100% các thôn, khu dân cư trên địa bàn các xã đã được phủ sóng di động 4G. Triển khai mạng số liệu chuyên dùng tại UBND huyện và UBND các xã phục vụ việc quản lý, điều hành chung của huyện.

Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng cấp huyện đạt 98%; Cấp xã đạt 95%. Thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến và thanh toán phí, lệ phí không dùng tiền mặt đạt kết quả cao. Công tác số hóa được quan tâm triển khai: Tỷ lệ hồ sơ được số hóa ở cấp huyện đạt trên 98%, cấp xã đạt trên 95%.

Thực hiện nghiêm việc tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất, gắn việc tiếp công dân với việc tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh công tác đối thoại gắn với giải thích quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong khiếu nại, tố cáo.

Tình hình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trên địa bàn huyện khá phức tạp, liên quan chủ yếu đến thực hiện thu hồi đất, bồi thường, tái định cư khi thực hiện Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021 – 2025 (đoạn qua huyện Nghĩa Hành) và Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức. Chỉ đạo xử lý, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, ước đạt tỷ lệ 95%, vượt Kế hoạch. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận và quyết định xử lý tố cáo, bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của huyện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Thực hiện tốt kê khai tài sản, thu nhập về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3.2. Công tác Tư pháp

Thực hiện tốt công tác ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật²⁹. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 được triển khai kịp thời, có trọng điểm. Thực hiện hỗ trợ, tư vấn, trợ giúp pháp lý chứng thực, đăng ký, quản lý hộ tịch; triển khai chứng thực điện tử bản sao từ bản chính. Nâng cao chất lượng các tổ hòa giải ở cơ sở. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, các luật mới ban hành và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến công tác quản lý hành chính nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, khu vực và tình hình thực tiễn

²⁹ Ban hành 02 văn bản QPPL: (1) Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra huyện Nghĩa Hành. (2) Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2016 của UBND huyện Nghĩa Hành về ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành. Kiểm tra 100% các văn bản QPPL nhận được thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chủ tịch UBND huyện; kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật tại HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện năm 2024. Kết quả, chưa phát hiện văn bản trái pháp luật, sai căn cứ pháp lý, hiệu lực... Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện Nghĩa Hành hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần, ngưng hiệu lực trong năm 2023 (01 Nghị quyết hết hiệu lực một phần và 01 Nghị quyết đề nghị HĐND huyện xử lý theo quy định; 04 văn bản của UBND huyện hết hiệu lực toàn bộ); Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND huyện Nghĩa Hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023 (04 Nghị quyết là văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ của HĐND huyện và 11 quyết định là văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ của UBND huyện. Văn bản QPPL còn hiệu lực toàn bộ và còn hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND và UBND huyện trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 gồm 03 Nghị quyết HĐND và 14 Quyết định UBND).

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương³⁰.

3.3. Công tác Nội vụ

Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp³¹; kịp thời giao biên chế, điều động, luân chuyển, thuyên chuyển, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức³² theo đúng quy định, đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ³³. Chú trọng công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đối với lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức thuộc UBND huyện. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021 – 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 các phòng, ban, đơn vị trường học thuộc UBND huyện. Thực hiện hiệu quả các chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức³⁴. Công tác chính quyền địa

³⁰ Luật Đất đai năm 2024; Luật Lưu trữ năm 2024; Luật Căn cước; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Nhà ở; Luật Kinh doanh bất động sản.

³¹ Quyết định giao 63 biên chế cho các cơ quan chuyên môn hành chính, 21 biên chế cho các đơn vị sự nghiệp năm 2024 và 968 biên chế cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục năm học 2023 - 2024. Trình UBND tỉnh phê duyệt lại đề án vị trí việc làm huyện Nghĩa Hành (bổ sung thêm cấp xã vào Đề án huyện). Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của cơ quan tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra huyện Nghĩa Hành. Góp ý dự thảo Phương án chuyển Trung tâm Y tế cấp huyện trực thuộc Sở Y tế về UBND cấp huyện quản lý và xây dựng Phương án tiếp nhận Trung tâm Y tế cấp huyện trực thuộc Sở Y tế về UBND cấp huyện quản lý.

³² Quyết định tiếp nhận vào làm công chức, điều động và bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng và Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; bổ nhiệm lại Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất; bổ nhiệm và điều động bổ nhiệm 05 Hiệu trưởng và 05 Phó Hiệu trưởng các trường học thuộc huyện; bổ nhiệm lại Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng Trường MN Hành Đức; Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường TH thị trấn Chợ Chùa đến tuổi nghỉ hưu. Quyết định điều động công tác đối với 15 giáo viên, 01 công chức; Tiếp nhận và phân công công tác đối với 20 giáo viên ngoài huyện về công tác tại huyện; 09 giáo viên thuyên chuyển công tác; biệt phái 02 viên chức trường học năm học 2024 -2025. Phân công, phụ trách điều hành hoạt động của trường THCS Lê Khiết. Tiếp nhận vào làm viên chức tại Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện (05 trường hợp). Biệt phái 01 công chức thuộc Khối đoàn thể về Phòng LĐTĐ&XH và 01 công chức cấp xã, 01 viên chức thuộc Trung tâm Chính trị huyện về Phòng TC-KH. Đề nghị Sở Nội vụ tiếp nhận vào làm công chức tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện (01 trường hợp) và phân công công tác về Phòng Tài chính - Kế hoạch; đồng ý cho 02 công chức thuộc các cơ quan chuyên môn của huyện thuyên chuyển công tác ra ngoài huyện và đồng ý tiếp nhận 01 viên chức ngoài huyện về công tác tại huyện, đề nghị Sở Nội vụ xét thành công chức để bố trí tại cơ quan chuyên môn thuộc huyện. Tuyển dụng 17 giáo viên và phân công công tác về các trường học thuộc huyện trong kỳ thi tuyển giáo viên năm 2023; hủy bỏ kết quả trúng tuyển giáo viên đối với 01 thí sinh không hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo thời gian quy định. Phân công công tác đối với 06 thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2023. Công nhận hết thời gian tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với 04 giáo viên hoàn thành thời gian tập sự.

³³ Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác trong nội bộ đối với một số chức danh công chức thuộc các phòng và 04 công chức cấp xã; chuyển đổi 04 kế toán trường học, 06 công chức Địa chính – Xây dựng, 04 công chức Tài chính – Kế toán cấp xã, hoàn thành KH năm 2024.

³⁴ Quyết định nâng bậc lương trước hạn 22 trường hợp; nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 119 cán bộ, công chức, viên chức; nâng thâm niên nhà giáo đối với 719 viên chức; hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo lần đầu cho 191 người. Đề nghị Sở Nội vụ thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024 cho 97 cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND huyện; bổ sung 01 trường hợp nâng lương trước thời hạn trước đối với công chức có quyết định nghỉ hưu. Chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 48 viên chức giảng dạy trong các đơn vị trường học, 05 viên chức thay đổi chức danh nghề nghiệp. Nộp 10 hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hàng IV lên hàng III trình Sở Nội vụ. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế năm 2024, đề nghị 05 trường hợp tinh giản biên chế trong đợt 2 năm 2024. Thông báo nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH 12 trường hợp viên chức các đơn vị sự nghiệp và Quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với 12 trường hợp. Cho thôi việc 01 công chức lãnh đạo Phòng Nội vụ theo

phương, địa giới hành chính; cán bộ xã, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố tiếp tục được quan tâm thực hiện, đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của chính quyền địa phương.

Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính trên các lĩnh vực; thường xuyên rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã hoạt động nề nếp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả cho công dân đúng quy trình, thủ tục và đảm bảo thời gian theo quy định, đạt tỷ lệ trên 99,6%. Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt. Tổ chức phát động phong trào thi đua năm 2024. Kịp thời biểu dương, khen thưởng thường xuyên, khen thưởng chuyên đề đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc³⁵.

Kịp thời tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến những vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ; xây dựng kế hoạch kiểm điểm và tổ chức thực hiện, khắc phục hậu quả sau kiểm điểm³⁶.

3.4. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tổ chức quán triệt, duy trì và thực hiện nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Hoàn thành công tác tuyển quân năm 2024 đảm bảo số lượng³⁷, chất lượng. Công tác tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao được quan tâm. Tổ chức sơ kết thực thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về khu vực phòng thủ.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định, nhất là trong các dịp Lễ, tết, các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng của đất nước và địa phương. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị trên các lĩnh vực; trọng tâm là phối hợp vận động, ổn định tình hình an ninh trật tự xã hội trong giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua huyện Nghĩa Hành; Dự án Bãi chôn lấp rác Nghĩa Kỳ. Tiếp tục chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động; nhất là trên không gian mạng. Tích cực đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tập trung tấn công, trấn áp các băng, ổ nhóm tội phạm, tội phạm chống người thi hành công vụ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, kinh tế, môi trường, hoạt động “tín dụng đen”, đánh

nguyên vọng. Ban hành Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 30/01/2024 đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc huyện năm 2024 và để đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới, trên một số lĩnh vực chuyên môn. Chọn cử 481 cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng do Sở Nội vụ và các ngành tổ chức; Đăng ký danh sách công chức, viên chức tham gia học lớp Trung cấp, Cao cấp lý luận chính trị năm 2025: 28 người. Ban hành Kế hoạch tuyển dụng 19 chỉ tiêu giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện.

³⁵ Tặng Giấy khen 94 tập thể và 120 cá nhân đã có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ. Đề nghị UBND tỉnh công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 02 Tập thể; tặng Bằng khen cho 02 tập thể và 07 cá nhân.

³⁶ Theo Kết luận thanh tra số 10/KL-TTT ngày 14/12/2023 của Thanh tra tỉnh về nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi nợ tạm ứng và quyết toán công trình xây dựng trên địa bàn huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2020-tháng 3/2023; Kết luận số 723/KL-UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện vi phạm việc tách thửa, chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa số 1167, 1168, 1169 tờ bản đồ số 16, xã Hành Phước.

³⁷ 215 thanh niên.

bạc...

Đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn giao thông, thường xuyên tổ chức tuần tra kiểm soát trật tự an toàn giao thông, tiếp tục tuyên truyền, phát động hành động “Đã uống rượu bia - Không lái xe”. Đổi mới phương thức thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa phương; lan tỏa nhận thức toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân. Quan tâm công tác phòng, chống cháy nổ, đảm bảo an toàn tính mạng tài sản của tổ chức, công dân.

III. Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất

Quảng Ngãi có nhiều tiềm năng, lợi thế. Là tỉnh có đường bờ biển dài 130 km và 6 cửa biển vốn giàu nguồn lực hải sản với nhiều bãi biển đẹp. Quảng Ngãi nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được Chính phủ chọn khu vực Dung Quất để xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam.

Theo Quy hoạch tổng thể quốc gia 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, Quảng Ngãi cùng với Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam được định hướng phát triển thành Vùng động lực miền Trung. Trong đó, Quảng Ngãi với KKT Dung Quất đóng vai trò chính là một trong những trung tâm công nghiệp nặng của vùng bên cạnh KKT Chân Mây - Lăng Cô và KKT mở Chu Lai. Do đó, Quảng Ngãi tiếp tục có nhiều động lực phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn hiện có như lọc hóa dầu và luyện kim thép. Đồng thời, với các lợi thế hiện có và khả năng liên kết phát triển với các KKT của tỉnh bạn (Chu Lai v.v), Quảng Ngãi đứng trước nhiều cơ hội để phát triển, nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm (hóa dầu, sản phẩm sau thép v.v.), đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu và phát triển mạnh mẽ các ngành phù hợp với xu thế phát triển của tương lai.

Hệ thống Cảng biển đang được nhiều nhà đầu tư quan tâm. Trong đó có Cảng biển nước sâu là một lợi thế lớn của tỉnh nói chung và của KKT Dung Quất nói riêng trong việc thu hút đầu tư vào Quảng Ngãi

Có nhiều tiềm năng để phát triển đa dạng các loại hình du lịch. Sự đa dạng của địa chất, địa mạo đã tạo cho Quảng Ngãi những cảnh quan hùng vĩ, tuyệt đẹp. Những bãi biển đẹp như: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Bình Châu v.v. và hệ sinh thái biển phong phú, đặc sắc. Nhưng ngành du lịch của tỉnh vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng du lịch ngày một lớn cũng sẽ là một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển hạ tầng giao thông phục vụ du khách.

Quảng Ngãi phấn đấu là tỉnh phát triển khá của cả nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước. Nâng cao tính tự chủ và khả năng thích ứng với những biến động của nền kinh tế. Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Dần hình thành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập

trung. Từng bước xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là du lịch. Nhân rộng mô hình nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Phát triển và hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh. Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Hình thành trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất và phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo.

Hướng tới 2050, Quảng Ngãi phấn đấu duy trì là một tỉnh phát triển khá của cả nước, là địa phương phát triển xanh, bền vững và đa dạng; cơ cấu nền kinh tế hài hòa, hợp lý với tính tự chủ và năng lực cạnh tranh cao. Phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp, điểm đến du lịch nổi bật và là đầu mối kết nối kinh tế với khu vực Tây Nguyên của khu vực duyên hải miền Trung. Hình thành và phát huy được sức lan tỏa của mạng lưới hệ thống phát triển khoa học và các cộng đồng nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Ngoài ra, bản sắc văn hoá dân tộc, con người Quảng Ngãi luôn được bảo tồn và phát huy, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội luôn được chú trọng và nâng cao chất lượng để phù hợp với các giai đoạn phát triển mới. Công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo.

2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất

Phát triển huyện Nghĩa Hành trong bối cảnh chung của quốc tế, quốc gia, vùng tỉnh Quảng Ngãi, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên;

Phát triển bền vững hài hòa về kinh tế, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường;

Phát triển phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng phát triển các ngành, các lĩnh vực mà huyện có tiềm năng lợi thế. Phát triển có trọng điểm, trọng tâm, theo chiến lược toàn diện và cân bằng;

Phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đưa khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào ứng dụng, nhưng vẫn đồng thời gắn liền với bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa. Từ đó tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn.

Xây dựng kết cấu hạ tầng khung đồng bộ kết nối với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật với các vùng lân cận, vùng tỉnh, vùng kinh tế quốc gia.

Phát triển tổng thể kinh tế - xã hội huyện Nghĩa Hành và góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới; tiếp tục hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu của huyện nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tăng năng suất lao động, tăng giá trị trên đơn vị diện tích, nâng cao hiệu quả và khả

năng cạnh tranh sản phẩm. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo bước vững chắc để đẩy nhanh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Tiếp tục gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao năng lực chỉ đạo và sức chiến đấu của Đảng, năng lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, xây dựng mặt trận và các đoàn thể nhân dân được vững mạnh.

PHẦN II

LẬP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nghĩa Hành không thay đổi so với Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, với các chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+(..); hoặc (6)=(4)+(5)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	19.462,30
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.450,71
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.295,98
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	154,73
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.984,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.778,27
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.021,96
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.175,80
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	1.605,68
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	23,29
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	4,21
1.9	Đất làm muối	LMU	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,25
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	3.826,96
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.037,77
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	101,00
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,52
2.4	Đất quốc phòng	CQP	57,70
2.5	Đất an ninh	CAN	2,23
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,35
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,17
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,52

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+(...); hoặc (6)=(4)+(5)
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	33,94
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	25,59
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,14
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	47,05
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	13,54
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,92
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,26
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,34
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.231,75
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	737,08
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	461,89
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,29
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	5,08
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	6,06

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+(..); hoặc (6)=(4)+(5)
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	9,70
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,81
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,81
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,87
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,15
2.9	Đất tôn giáo	TON	8,37
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	5,73
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	410,97
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	837,84
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	8,39
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh rạch, suối	SON	829,45
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,68
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	159,29
	Trong đó:		
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	101,51
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	57,78

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án không phải báo cáo HĐND tỉnh thông qua:

- Bổ sung 01 công trình, dự án để thực hiện các thủ tục về đất đai, với diện tích 0,20 ha. (Phụ biểu 01 kèm theo).

3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất:

3.1 Đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp là 19.462,30 ha, không thay đổi so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025.

3.2 Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp là 3.826,96 ha, không thay đổi so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025.

3.3 Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng là 159,29 ha, không thay đổi so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 28/04/2025.

4. Giải pháp tổ chức thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất

Để phương án điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành mang lại hiệu quả cao, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, cần thực hiện một số giải pháp sau:

a. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Áp dụng các biện pháp canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của huyện, nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, hóa chất bảo vệ thực vật.

- Thực hiện tốt việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất tự nhiên trên địa bàn huyện.

- Sử dụng đất vào các mục đích phát triển cụm công nghiệp, sản xuất kinh doanh phải có phương án thu gom, xử lý triệt để chất thải rắn, nước thải, không để ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện tốt việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các công trình, dự án được giao đất, cho thuê đất để đầu tư phát triển kinh tế, xã hội, kiên quyết không chấp nhận các dự án tiềm ẩn những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Giao đất đúng tiến độ, theo khả năng thực hiện đối với các công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất. Các dự án lấy vào đất trồng lúa phải có phương án sử dụng lớp đất mặt thuộc tầng canh tác để cải tạo các vùng trồng lúa kém chất lượng và phương án bổ sung diện tích chuyên trồng lúa bị mất do chuyển mục đích sử dụng đảm bảo an ninh lương thực.

b. Giải pháp về nguồn lực thực hiện Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất:

- Bố trí đủ cán bộ có năng lực chuyên môn về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong các cơ quan quản lý nhà nước từ huyện đến xã để đảm nhiệm tốt công tác tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, thăm quan học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ xã, thị trấn đến huyện.

- Tập trung, ưu tiên bố trí vốn đầu tư GPMB, nhất là các dự án khu dân cư đầu giá để nhanh chóng khai thác quỹ đất hiện có trên địa bàn huyện tạo nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện.

c. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất:

Phòng Nông nghiệp và Môi trường: Là cơ quan thường trực, giúp UBND huyện triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng quy định, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chức năng của huyện, UBND các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chủ trì thực hiện việc công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất của huyện, thông báo rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn được biết để thực hiện việc sử dụng đất theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch và đề xuất các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc (nếu có) để thực hiện tốt việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

UBND các xã, thị trấn: Chịu trách nhiệm công bố, công khai Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành tại trụ sở UBND các xã, thị trấn. Đồng thời, thông báo rộng rãi trên hệ thống truyền thanh của các xã, thị trấn cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn được biết để thực hiện việc sử dụng đất theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện tốt các công trình, dự án do UBND xã, thị trấn mình làm chủ đầu tư, đảm bảo theo đúng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện.

- Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đất trên địa bàn huyện quản lý để kịp thời phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được phê duyệt.

- Chủ động phối hợp với các ngành chức năng của huyện, chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường GPMB, thi công xây dựng để đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất được thực hiện theo đúng Kế hoạch.

- Phổ biến, quán triệt rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất đai, trong đó chú trọng đến những quy định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ sử dụng đất, các quy định về quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tổ chức công bố công khai rộng rãi kế hoạch sử dụng đất sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, thực hiện việc niêm yết tại trụ sở UBND các xã, thị trấn và nhà văn hóa các khu dân cư, tổ

dân phổ để các tổ chức, đơn vị, cá nhân biết và thực hiện.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước về đất đai nhất là các cán bộ làm công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở huyện và các phường đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và cơ cấu theo đúng các quy định của pháp luật.

- Cân đối, bố trí kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các chủ sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất của huyện nhằm kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý đối với các trường hợp có hành vi vi phạm.

- Nâng cao hiệu quả giám sát của HĐND, UB MTTQ các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri về công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Trình tự, nội dung các bước trong Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành được xây dựng dựa trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, của các cấp.

Dự án đã xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch, đồng thời xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án và xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép theo quy định trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã nên có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của huyện cả trước mắt cũng như lâu dài; thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước về thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch.

Nhìn chung, Báo cáo điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành có tính khả thi cao phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của huyện.

II. KIẾN NGHỊ

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND huyện Nghĩa Hành Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nghĩa Hành để UBND huyện Nghĩa Hành có cơ sở triển khai thực hiện đúng tiến độ, đưa công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương ngày càng tốt hơn.

HỆ THỐNG BIỂU ĐIỀU CHỈNH KH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH

*Theo hướng dẫn của Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế
hoạch sử dụng đất*

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu số 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Nghĩa Hành
2	Biểu số 17/CH	Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành
3	Biểu số 18/CH	Điều chỉnh kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 huyện Nghĩa Hành
4	Biểu số 19/CH	Điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành
5	Biểu số 20/CH	Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành
6	Biểu số 24/CH	Chu chuyển đất đai trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành
7	Biểu số 25/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành
8	Phụ biểu 01	Danh mục bổ sung công trình, dự án để thực hiện các thủ tục về đất đai